TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.

2. Bà Trần Ánh Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 480/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về không yêu cầu công nhận quan hệ vợ chồng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 164/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: ấp P, xã P1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày: Về hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau, không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có nhiều quan điểm sống khác nhau, thường xuyên cãi vả, anh T đã về nhà mẹ ruột ở ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh hơn 10 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh T.

Về con chung: Có 01 cháu: Trương Thị Anh Vũ, sinh ngày 20-7-1995; cháu Vũ đã trường thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị S về thời gian sống chung, con chung, thời gian ly thân. Do anh và chị S không có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị S.

Về con chung: Có 01 cháu: Trương Thị Anh Vũ, sinh ngày 20-7-1995; cháu Vũ đã trường thành, có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, không công nhận chị S và anh T là vợ chồng; về con chung: con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu không nhận quan hệ vợ chồng với anh Trương Văn T, địa chỉ: ấp C, xã C1, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về không công nhận

quan hệ vợ chồng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị S, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị S, anh T chung sống với nhau từ năm 1994, có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Vì vậy, mặc dù chị S, anh T đã có thời gian dài chung sống và đã có 01 con chung nhưng căn cứ Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì xác định anh T và chị S không phải là vợ chồng. Do đó, căn cứ vào các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị S và anh T.

[2.2] Về con chung: Chị S, anh T xác nhận có 01 con chung là Trương Thị Anh Vũ, sinh ngày 20-7-1995. Xét thấy, chị Vũ đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên ghi nhận.

[3] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị S phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9,14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị S và anh Trương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Trương Thị Anh Vũ, sinh ngày 20-7-1995. Con chung đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014565 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tây Ninh (Ghi nhận chị S đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Nguyện